

# QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

TRẦN QUANG MINH\*

Quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Hàn Quốc được thiết lập cách đây 17 năm (ngày 22/12/1992) nhưng có thể nói hai dân tộc Việt Nam và Hàn Quốc đã gắn bó từ lâu và có nhiều điểm tương đồng về lịch sử và văn hóa. Hai nước có nhiều tiềm năng phát triển quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Hiện nay Hàn Quốc đang là bạn hàng và nhà đầu tư nằm trong top dẫn đầu ở Việt Nam. Các mối quan hệ về chính trị, văn hóa, xã hội cũng đang phát triển nhanh chóng và toàn diện.

Trong chuyến thăm Hàn Quốc của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng từ ngày 28 - 31/5/2009, hai bên đã trao đổi ý kiến sâu rộng về các biện pháp thúc đẩy quan hệ hai nước tiếp tục phát triển sâu sắc hơn nữa trong thời gian tới, thỏa thuận về nguyên tắc nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc lên thành "*Đối tác hợp tác chiến lược*" vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và trên thế giới. Đây là một bước ngoặt mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Bài viết này sẽ đi sâu lại một số thành tựu chủ yếu trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức đến nay.

## 1. Viện trợ phát triển của Hàn Quốc dành cho Việt Nam.

Sau những thập kỷ tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và trở thành nền kinh tế lớn thứ 10 trên thế giới, kể từ những năm 1970, Hàn Quốc đã thành lập các Quỹ hỗ trợ phát triển với mục đích hỗ trợ và giúp đỡ các nền kinh tế kém phát triển và đang phát triển. Kể từ khi quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Hàn Quốc được thiết lập, Việt Nam đã trở thành một trong những nước nhận viện trợ phát triển của Hàn Quốc. Điều đáng nói là mặc dù quy mô vốn ODA của Hàn Quốc không lớn so với các nước và các tổ chức tài trợ khác như Nhật Bản, ADB..., song số vốn này đều tăng lên hàng năm và Việt Nam

---

\* TS.Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

luôn là một trong số những nước nhận được nhiều tài trợ nhất từ Hàn Quốc. Ví dụ trong số xấp xỉ 140 nước nhận viện trợ không hoàn lại của Hàn Quốc, năm 1995, 1996, 1997 Việt Nam xếp thứ 2 với số tiền tương ứng mỗi năm hơn 3 triệu USD; các năm 1998, 1999, 2001 Việt Nam xếp thứ nhất số tiền mỗi năm hơn 4 triệu USD, riêng năm 1999 đạt con số cao nhất từ trước tới lúc đó là 6,193 triệu USD. Kể từ năm 2005, Hàn Quốc đã tăng viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam lên mức 9 triệu USD/năm. Mức viện trợ trên là khá lớn so với tổng số viện trợ nước ngoài của Hàn Quốc và viện trợ cho Việt Nam tương đương mức cho cả châu Phi. Tính đến hết ngày 31/12/2008, tổng số tiền viện trợ không hoàn lại mà Hàn Quốc đã dành cho Việt Nam kể từ năm 1992 đã lên tới hơn 90 triệu USD.

Cùng với viện trợ không hoàn lại là các khoản cho vay ưu đãi. Xuất phát từ quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước và việc Việt Nam sử dụng có hiệu quả viện trợ của Hàn Quốc, Chính phủ Hàn Quốc đã quyết định tăng viện trợ cho Việt Nam từ Quỹ hợp tác và Phát triển kinh tế (EDCF) lên gấp 3 lần so với trước, cụ thể là mỗi năm 100 triệu USD cho 4 năm 2005 - 2008 và hứa sẽ tăng gấp đôi mức trên kể từ 2009. Tổng vốn vay ODA của Hàn Quốc dành cho Việt Nam từ 1993 đến 2008 là 471,4 triệu USD. Đầu tháng 8/2008, Hàn Quốc đã ký với Việt Nam Thỏa thuận khung về việc Hàn Quốc cung cấp 1 tỷ USD vốn vay ưu đãi từ Quỹ Hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc (EDCF) cho Việt Nam trong giai đoạn 2008 - 2011. Với cam kết này, Hàn Quốc đã trở thành nhà tài trợ song phương lớn thứ 2 tại Việt Nam (chỉ sau Nhật Bản) và Việt Nam là nước nhận hỗ trợ phát triển nhiều nhất của Hàn Quốc.

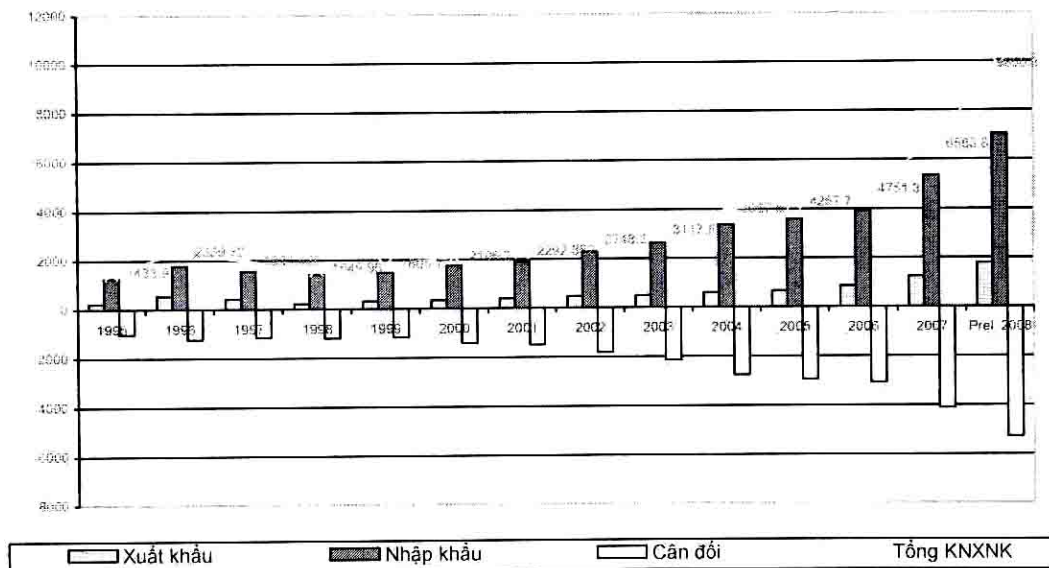
Những lĩnh vực ưu tiên viện trợ của Hàn Quốc dành cho Việt Nam bao gồm: (1) Phát triển nguồn nhân lực và những nhu cầu cơ bản của con người như: giáo dục, đào tạo và y tế; (2) Hỗ trợ nhân đạo cho các vùng sâu, vùng xa và vùng nghèo đói; (3) Xây dựng thể chế cho các khu vực đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường; (4) Phát triển nông nghiệp và nông thôn. Một số dự án lớn sử dụng nguồn vốn ODA của Hàn Quốc như: Trường cao đẳng công nghệ thông tin Đà Nẵng (10 triệu USD) và Bệnh viện đa khoa miền Trung (30 triệu USD).

## **2. Quan hệ thương mại.**

Kể từ những năm 1980, Việt Nam đã có sự trao đổi mậu dịch với Hàn Quốc. Song quan hệ thương mại giữa hai nước chỉ thực sự phát triển kể từ đầu những năm 1990 sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức. Kể từ đó đến nay, quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều của Việt Nam với Hàn Quốc hàng năm luôn tăng so với năm trước với tốc độ tăng trung bình hàng năm đạt 18,43% trong giai đoạn 1995 - 2005. Trong khoảng thời gian này, chỉ có 2 năm 1997 và 1998, kim ngạch hai chiều giữa hai nước giảm chút ít một phần do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực.

Hiện nay, Hàn Quốc là bạn hàng lớn thứ 4 của Việt Nam. Năm 2008, tổng kim ngạch thương mại hai chiều đạt gần 10 tỷ USD, tăng 34,3% so với năm 2007 và tăng gấp hơn 10 lần so với năm 1992. Đến nay, hai nước đã thành lập cơ chế Ủy ban liên Chính phủ về Hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc và tổ chức họp định kỳ để thúc đẩy hợp tác kinh tế song phương. Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Park, tháng 10/2009, hai bên đã dự kiến sẽ nâng mức kim ngạch mậu dịch hai chiều lên 20 tỷ USD vào năm 2015.

Đồ thị 1: Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc



Một đặc trưng nổi bật trong quan hệ thương mại của Việt Nam với Hàn Quốc (cũng như với nhiều nước khác) là Việt Nam luôn ở trong tình trạng nhập siêu và mức độ nhập siêu ngày càng lớn. Qua các số liệu thống kê và đồ thị ta có thể thấy rất rõ là sự tăng trưởng của quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc chủ yếu là do tăng nhập khẩu của Việt Nam từ Hàn Quốc. Xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc tuy có tăng, nhưng mức độ tăng không đáng kể. Chính vì vậy mà thâm hụt kim ngạch thương mại của Việt Nam với Hàn Quốc ngày càng lớn.

Sự thâm hụt kim ngạch thương mại của Việt Nam với Hàn Quốc nói riêng và với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nói chung có những nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Do cơ cấu xuất nhập khẩu của hai nước có sự khác biệt rất lớn. Việt Nam chủ yếu xuất sang Hàn Quốc các nguyên liệu hoặc sản phẩm sơ chế với hàm lượng giá trị gia tăng thấp, trong khi đó lại nhập khẩu từ Hàn Quốc

những sản phẩm máy móc thiết bị công nghiệp có hàm lượng giá trị gia tăng cao; (2) Đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng đã làm gia tăng việc nhập khẩu máy móc thiết bị và nguyên liệu trung gian phục vụ cho việc sản xuất của các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam, trong khi đó các sản phẩm được tạo ra chủ yếu phục vụ tiêu dùng nội địa hoặc xuất khẩu sang các nước thứ ba làm cho nhập khẩu tăng mà xuất khẩu không tăng; (3) Theo đánh giá của nhiều nhà kinh tế, đồng tiền Việt Nam được định giá cao so với các đồng tiền khác. Điều này làm hạn chế khả năng cạnh tranh và xuất khẩu của các mặt hàng của Việt Nam, và tạo điều kiện cho hàng nhập khẩu thâm nhập mạnh vào thị trường trong nước.

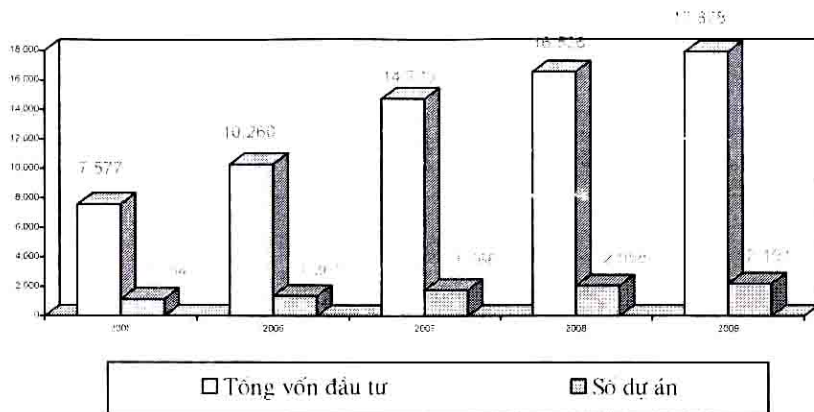
Trong tương quan so sánh với các quốc gia và vùng lãnh thổ chủ yếu có quan hệ thương mại với Việt Nam, xét về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, Hàn Quốc luôn nằm trong danh sách 6 bạn hàng lớn nhất của Việt Nam, sau Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Trong những năm 1990, Hàn Quốc thường đứng thứ 3 hoặc thứ 4 trong danh sách các bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do quan hệ thương mại của Việt Nam với Trung Quốc và Mỹ phát triển mạnh, khi mà hai nước này đã vượt lên trở thành những bạn hàng thương mại số 1 hoặc số 2 của Việt Nam thì vị trí của Hàn Quốc đã tụt xuống thứ 5 hoặc thứ 6.

### **3. Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam.**

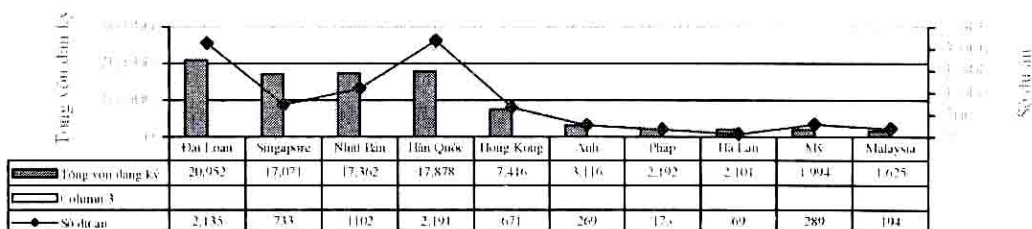
Hàn Quốc luôn nằm trong số 5 nước và vùng lãnh thổ có tổng vốn đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam. Tính đến tháng 9/2009, tổng vốn đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam đã đạt con số gần 18 tỉ USD chiếm khoảng 10% tổng lũy kế vốn FDI vào Việt Nam kể từ năm 1988, đứng thứ hai sau Đài Loan.

- Xét về lượng vốn FDI đăng ký hàng năm, trong những năm gần đây Hàn Quốc thường đứng thứ 2 hoặc thứ 3, đặc biệt là từ năm 2006 Hàn Quốc đã vượt lên dẫn đầu về lượng vốn đăng ký mới và tăng vốn với 2,42 tỉ USD chiếm 31% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Tính đến tháng 2/2009, đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam đạt 16,2 tỉ USD (gấp 60 lần so với năm 1992) với 2.191 dự án, tạo ra khoảng hơn 200.000 việc làm.

Đồ thị 2: Tổng vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam



Đồ thị 3: Đầu tư trực tiếp của các nước chủ yếu vào Việt Nam (1988 - 2008)



*Nguồn: Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam*

- Xét về quy mô của các dự án, các dự án đầu tư của Hàn Quốc thường là các dự án có quy mô vừa và nhỏ với số vốn trung bình khoảng 5 triệu USD. Tuy nhiên, cũng có những dự án lớn với số vốn đầu tư lên tới vài trăm triệu USD, thậm chí xấp xỉ 1 triệu USD.

- Xét về cơ cấu ngành đầu tư, vốn đầu tư của Hàn Quốc tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp và xây dựng với hơn 70% tổng số vốn; tiếp theo là vào các ngành dịch vụ với hơn 20% tổng số vốn, và phần còn lại dưới 10% vào các ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Về đầu tư, Chính phủ Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện và môi trường đầu tư thông thoáng cho các nhà tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư Hàn Quốc.

Những ưu đãi đó được thể hiện trong Luật Đầu tư mới của Việt Nam có hiệu lực từ 1/7/2006. Từ 1/7/2004, Chính phủ Việt Nam cũng đã quyết định miễn thị thực nhập cảnh cho tất cả khách Hàn Quốc vào Việt Nam nếu ở Việt Nam dưới 15 ngày. Do đó các doanh nhân Hàn Quốc có thể đi Việt Nam tìm hiểu thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư bất cứ lúc nào vì hàng ngày có 3 chuyến bay thẳng trên mỗi tuyến: Seoul - Hà Nội, Seoul - Thành phố Hồ Chí Minh, Busan - Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài các doanh nghiệp lớn như Samsung, Daewoo, LG, SK đã có mặt tại Việt Nam từ lâu, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc cũng đã và đang tăng cường đầu tư và đã đầu tư thành công tại Việt Nam.

Hiện nay, các doanh nghiệp Hàn Quốc coi Việt Nam là một thị trường đầu tư hấp dẫn. Chính do làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc vào Việt Nam đang tăng lên, tại Việt Nam đã hình thành cộng đồng doanh nhân Hàn Quốc lên đến 35.000 người (trong đó ở Thành phố Hồ Chí Minh là 30.000 và Hà Nội là 5.000). Đây là cộng đồng doanh nhân nước ngoài lớn thứ hai tại Việt Nam (sau Trung Quốc).

#### **4. Hợp tác lao động.**

Hợp tác lao động Việt - Hàn là một lĩnh vực quan trọng rất hiệu quả trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước và là điểm sáng nhất trong quan hệ hợp tác lao động của Việt Nam với các nước. Hợp tác lao động Việt - Hàn, ngoài ý nghĩa quan trọng về kinh tế, còn có một ý nghĩa chính trị quan trọng, nó góp phần rất to lớn vào việc xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam, đào tạo tay nghề cho đội ngũ lao động Việt Nam. Quan trọng hơn cả, đội ngũ lao động Việt Nam làm việc trong các công ty của Hàn Quốc tại Việt Nam hoặc sang lao động ở Hàn Quốc trở về với sự am hiểu về văn hoá, ngôn ngữ Hàn Quốc, sẽ là một trong những cầu nối quan trọng tăng cường sự hiểu biết, quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Quan hệ hợp tác lao động giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã được thực hiện khá thành công. Trước hết phải kể đến là việc đào tạo và tuyển chọn các cán bộ quản lý, kỹ thuật viên và công nhân người Việt Nam làm việc tại các công ty của Hàn Quốc có vốn đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc là một trong số các nước có vốn đầu tư lớn ở Việt Nam. Hơn nữa, các dự án đầu tư của Hàn Quốc phần lớn là các dự án với quy mô vừa và nhỏ đòi hỏi sử dụng nhiều lao động. Vì vậy, các nhà đầu tư của Hàn Quốc ở Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể vào việc đào tạo lao động và giải quyết việc làm ở Việt Nam. Hiện nay có khoảng 200.000 người lao động Việt Nam đang làm việc cho các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam.

Tiếp theo là vấn đề xuất khẩu lao động của Việt Nam sang Hàn Quốc. Hàn Quốc cũng là một thị trường lớn và hấp dẫn đối với lao động Việt Nam. Hàn Quốc đang là thị trường xuất khẩu lao động lớn thứ 3 của Việt Nam. Hiện nay có khoảng 54 nghìn người Việt Nam đang lao động ở Hàn Quốc chiếm hơn 30% tổng số lao động xuất khẩu của Việt Nam ra nước ngoài. Nếu tính cả số người đã

hết hạn hợp đồng về nước hoặc phá bỏ hợp đồng sống bất hợp pháp ở Hàn Quốc thì số lao động Việt Nam đã đến Hàn Quốc là hơn 100 nghìn lượt người.

Hợp tác lao động sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ vì được sự ưu tiên cao của Chính phủ hai nước. Chính phủ Việt Nam đánh giá cao những ưu đãi của phía Hàn Quốc đối với lao động Việt Nam, những nỗ lực của các cơ hữu quan của Hàn Quốc, đặc biệt là KOILAF, trong việc thúc đẩy hợp tác lao động với Việt Nam. Về phần mình, Chính phủ Việt Nam đang có những biện pháp thiết thực nhằm nâng cao tay nghề, trình độ văn hoá, trình độ tiếng Hàn, cách ứng xử của lao động để cung cấp cho thị trường Hàn Quốc một đội ngũ lao động có chất lượng cao, ổn định, đáp ứng tốt các yêu cầu của các chủ doanh nghiệp tại Hàn Quốc.

### 5. Du lịch.

Số lượng khách du lịch Hàn Quốc đến Việt Nam ngày càng tăng, đặc biệt là trong những năm gần đây. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, năm 2001 có khoảng 75.000 lượt khách du lịch Hàn Quốc đến Việt Nam. Tuy nhiên, con số này đã tăng nhanh qua các năm: năm 2002: 100.000 lượt người; năm 2003: 130.000; năm 2004: 323.000; năm 2005: 317.000; năm 2006: 339.000; năm 2007: 475.000; và năm 2008: 450.000 lượt người (đứng thứ hai sau Trung Quốc).

Kể từ ngày 1/7/2004, Việt Nam đã đơn phương miễn thị thực cho các khách Hàn Quốc đến Việt Nam dưới 15 ngày. Điều này đã góp phần khuyến khích khách du lịch Hàn Quốc đến Việt Nam với số lượng ngày càng tăng.

\*

\* \*

*Tóm lại*, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc đã phát triển rất khả quan trên nhiều phương diện. Mặc dù không phải không còn những bất cập hạn chế, những thành tựu của quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước đã đạt được là rất đáng kể. Trong bối cảnh mới, đặc biệt là trong các khung khổ hợp tác của ASEAN + 1, ASEAN + 3, các diễn đàn hội nhập kinh tế Đông Á, và đặc biệt là sau khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO, chúng ta hoàn toàn có thể hy vọng rằng quan hệ hợp tác về mọi mặt giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc, với những kinh nghiệm tích lũy được trong gần hai thập kỷ qua, sẽ ngày càng phát triển hơn nữa cả trước mắt lẫn lâu dài, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định và sự phát triển năng động và bền vững của khu vực.

---

### Tài liệu tham khảo

1. Báo *Đầu tư* (nhiều số).
2. Bản tin *Kinh tế*, TTXVN (nhiều số).

3. *Fact About Korea* (2003), Korean Overseas Information Service; Seoul.
4. *Hàn Quốc đất nước con người* (1993). Nxb. Trung tâm thông tin hải ngoại Hàn Quốc. Seoul.
5. *Korea's ODA Policy Direction*. Rae-Kwon Chung, Ministry of Foreign Affairs and Trade. November 5, 2003.
6. *Nghĩa tình Việt Nam - Hàn quốc* (2002). Nxb. Văn hoá - Thông tin. Hà Nội.
7. Tài liệu tham khảo, TTXVN (nhiều số)
8. Thời báo Kinh tế Việt Nam (nhiều số).
9. Website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: <http://www.mpi.gov.vn/>
10. Website của Bộ Ngoại giao Việt Nam: <http://www.un.int/vietnam/>
11. Website của Bộ Công thương Việt Nam: <http://www.moit.gov.vn/>
12. Website của Tổng cục Thống kê Việt Nam: <http://www.gso.gov.vn/>
13. Dương Phú Hiệp - Ngô Xuân Bình (1999), *Hàn Quốc trước thềm thế kỷ XXI*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
14. Ngô Xuân Bình - Phạm Quý Long (2000), *Hàn Quốc trên đường phát triển*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
15. Byung- Nak Song (2002), *Kinh tế Hàn Quốc đang trở dậy*. Nxb. Thống kê. Hà Nội, (Phạm Quý Long và các đồng nghiệp dịch).